

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC MỸ

• TS. TRẦN THỊ BÍCH LIỄU

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Aims C. Mc Guinness Jr. (1999, p. 187) đã nói về hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) của Mỹ như sau: "Từ tương quan so sánh, hệ thống GDĐH của Mỹ luôn luôn là một hệ thống đa dạng, phi trung ương hoá, tư nhân hoá và định hướng thị trường bậc nhất thế giới". Bài viết này xin giới thiệu một cách chi tiết hơn nhận định nói trên của Aims C. Mc Guinness Jr.

a. Hệ thống GDĐH của Mỹ rất đa dạng và mang tính tư nhân hoá cao.

Khái niệm đa dạng ở đây theo cách hiểu của các nhà giáo dục Mỹ gồm ba đặc điểm liên quan với nhau: 1) Đa dạng về sắc tộc, thành phần xuất thân, năng lực, độ tuổi, v.v.. của sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý và hành chính; 2) Sự tương tác của các thành phần nói trên tạo nên một cộng đồng có môi trường làm việc hợp tác và tôn trọng lẫn nhau; 3) Ảnh hưởng của các nhóm thành viên lên từng cá nhân và bầu không khí học thuật của trường ĐH (WASC handbook, p.79-80).

Hệ thống GDĐH của Mỹ bao gồm hàng nghìn trường, trong đó trường công (1.720 trường), và trường tư (2.516 trường). Trường công do bang đầu tư kinh phí, có trách nhiệm đảm bảo quyền lợi học tập của cư dân trong toàn bang. Trường tư, ngược lại, không do bang hỗ trợ về kinh phí mà là nhờ sự ủng hộ của các cơ quan, tổ chức và cá nhân hảo tâm. Cả hai hệ thống trường công và tư bao gồm các trường ĐH hai và bốn năm. Số trường tư chiếm hơn một nửa tổng số các trường ĐH ở Mỹ. Các loại trường ĐH phong phú do tính chất hoạt động và chức năng của nó như trường ĐH nghiên cứu, trường ĐH xí nghiệp, trường thực hiện cả hai chức năng giảng dạy và nghiên cứu. Theo James J. Duderstadt (2003), trường ĐH nghiên cứu trở thành trụ cột giúp Mỹ duy trì vai trò dẫn đầu thế giới về khoa học và kỹ thuật, giúp nước Mỹ thịnh vượng về kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng. Các trường ĐH nghiên cứu là nơi đào tạo các nhà lãnh đạo, các nhà khoa học trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, chính trị của đất nước, là nơi thực nghiệm giải quyết các vấn đề trọng yếu mà xã hội Mỹ quan tâm.

Mối quan hệ của các trường ĐH với chính

quyền bang của Mỹ cũng mang tính chất phức tạp và khác nhau giữa bang này với bang kia. Một số trường được xem như là một đơn vị trực thuộc bang, thực hiện tất cả các chức năng ngang bằng với chức năng của các đơn vị khác trong bang. Một số trường thì hoàn toàn tự chủ và độc lập đối với bang.

Sinh viên ở các trường ĐH Mỹ hiện nay càng ngày càng đa dạng về thành phần, lứa tuổi, lĩnh vực học tập và nghiên cứu, trình độ, giới tính, dân tộc, mục đích học tập và tin ngưỡng. 70% học sinh tốt nghiệp phổ thông đi học đại học, một số thì đi làm. Sinh viên phải học tập rất vất vả trong các trường ĐH mới mong lấy được bằng cấp mong muốn và có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc. Sinh viên chọn trường dựa vào chất lượng của nhà trường, giá thành hay vị trí của trường.

Hệ thống GDĐH Mỹ có một số lượng giảng viên và cán bộ nhân viên rất lớn, gần 3,2 triệu người (năm 2003), trong đó 2,3 triệu là các nhà chuyên môn và 0,9 triệu là cán bộ phục vụ. Từ năm 1976 đến 2003 đời ngũ cán bộ quản lý và nhân viên tăng từ 15% lên 25%, tỉ lệ sinh viên/giảng viên giảm từ 5,4 xuống 5,0. 57% số cán bộ giảng dạy làm việc toàn thời gian. Độ tuổi trung bình của cán bộ giảng dạy là 50; chỉ có 8% có độ tuổi dưới 35. Trong số cán bộ giảng dạy và phục vụ 47% là nữ, 19,2% là người Mỹ và 8% là người có nguồn gốc khác. 68 % cán bộ giảng dạy toàn thời gian và 25% bán thời gian có trình độ tiến sĩ. Trên 50% cán bộ giảng dạy bán thời gian có trình độ thạc sĩ và 6% trình độ cử nhân, 27 % cán bộ toàn thời gian có trình độ thạc sĩ và 21 % có trình độ cử nhân.

b. Hệ thống GDĐH của Mỹ mang tính chất phi trung ương và định hướng thị trường vào loại hàng đầu thế giới.

- Tính chất định hướng thị trường

Tính chất thị trường của hệ thống GDĐH Mỹ thể hiện ở việc các trường ĐH thường xuyên tìm kiếm và xây dựng uy tín cho mình, giữa các trường ĐH có sự cạnh tranh cao, quá trình thương mại hoá đang ngày càng tăng và thể hiện ở tính chất phi trung ương hoá trong công tác quản lý dưới sự tác động của các quy luật của



thị trường (cung-cầu, giá cả và cạnh tranh).

Ở Mĩ chỉ có 1% các trường ĐH, chủ yếu là trường quân đội do chính phủ bang thành lập, 99% các trường ĐH khác do bang và các tổ chức kinh doanh, tổ chức tình nguyện thành lập (American Higher Education in the Twenty - first Century Social, Political and Economic Challenges, 1999).

Theo Nancy Cantor và Steven Schomberg (2003), trường ĐH có hai tính chất: tính chất học thuật và tính chất thị trường với tất cả sự năng động và hồi hã của nó. Hai tính chất trên của trường ĐH được Massy phản ánh trong 3 loại hình trường sau:

1) Trường ĐH dựa vào uy tín học thuật: loại hình trường này tôn trọng các giá trị đạo đức tuyên thố, các giá trị khoa học mà mình có, coi trọng các giá trị nhân văn, tôn trọng đội ngũ giảng dạy và các quyết định của nhà trường thường dựa trên các giá trị mà họ có này.

2) Các trường ĐH tìm kiếm uy tín học thuật có những đặc điểm tương tự như loại trường trên- ngoại trừ việc họ có một cơ chế quản lí mạnh mẽ để đạt được mục tiêu của mình và chấp nhận sự chậm trễ trong việc nổi danh.

3) Trường ĐH danh tiếng với mục đích hướng ngoại tập trung vào sự thoả mãn khách hàng bên ngoài hơn là đội ngũ giảng viên. Họ có một cơ chế quản lí mạnh mẽ và đo lường danh tiếng của mình bằng các sản phẩm đầu ra có giá trị đối với khách hàng bên ngoài.

Theo phân đoạn thị trường các trường ĐH ở Mĩ có:

- 4% tổng số trường có vị thế cạnh tranh cao
- 14% có vị thế cạnh tranh quan trọng nhưng không theo kịp 4% số trường nói trên, trong đó một số trường thì chiếm được vị thế khả quan trong thị trường nhưng một số khác bị nhiều tổn thất trong quá trình cạnh tranh.

- Khoảng 70% các trường ĐH có chức năng cơ bản là phục vụ thị trường của bang.

- Khoảng 12% trường thuận tiện/ hữu nghị (convenience/user-friendly institutions) dạy các đối tượng người học bán thời gian và học với mục đích chỉ để nâng cao tay nghề hơn là lấy bằng. Loại trường này đặc biệt bám sát nhu cầu của thị trường và luôn có các chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy gắn với yêu cầu của thị trường. (Massy)

Một trong những chỉ số quan trọng thể hiện sự thị trường hoá của GĐĐH Mĩ là quá trình thương mại hoá ngày càng tăng. Derek Bok's (2003) cho rằng thương mại hoá diễn ra trong trường ĐH Mĩ ngày nay không phải chỉ ở các hoạt động thể dục, thể thao, mà nó được mở rộng ra trong mọi hoạt động khoa học của đội

ngũ giảng dạy, ở tất cả các khoa, các loại hình đào tạo trong toàn trường đại học.

Nguồn gốc của thương mại hoá trong trường ĐH bao gồm: 1) Ảnh hưởng của các thể lực kinh tế đối với trường ĐH (thí dụ: sự phát triển của ngành học công nghệ thông tin); 2) Ảnh hưởng văn hoá của doanh nghiệp (thí dụ việc trường ĐH sử dụng ngày càng nhiều các từ như: trường phòng quản trị hành chính, chi nhánh mới, tuyển dưới...); 3) Ảnh hưởng của lợi ích ngành nghề của sinh viên đối với chương trình; 4) Các cố gắng để kinh tế hoá các chi phí của nhà trường (thuê giảng viên bán thời gian nhiều hơn) hoặc sử dụng các phương pháp quản lí công nghiệp ngày càng nhiều; 5) Các cố gắng để tiền hoá các giá trị của trường đại học.

Các hoạt động thể dục, thể thao là những hoạt động thương mại của các trường ĐH nhằm thu hút sự quan tâm của công chúng và giúp nhà trường thu được hàng triệu đô la mỗi năm. Đây là hình thức thương mại hoá lâu đời nhất của các trường ĐH Mĩ.

Thương mại hoá còn có nguồn gốc từ ý chí của các nhà doanh nghiệp và các nhà làm luật ngồi trên vị trí của hội đồng lãnh đạo nhà trường với mục đích biến các trường ĐH thành những cơ sở phục vụ lợi ích của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó thương mại hoá còn do ảnh hưởng của các cá nhân tài trợ tư nhân, của thể giới công nghiệp và thương mại (Derek Bok, 2003).

Nước Mĩ có một hệ thống GĐĐH mang tính cạnh tranh hàng đầu thế giới so với hệ thống GĐĐH của tất cả các nước. Frank Newman and Lara K. Couturier (2002) cho rằng chính bản thân các trường ĐH cũng thấy rằng họ rất cạnh tranh. Các trường ĐH cạnh tranh vì sinh viên, vì từng đồng đô-la cho nghiên cứu khoa học, cạnh tranh đội ngũ giảng viên và cạnh tranh vì vị thế của nhà trường trên thị trường. Trường ĐH càng ngày càng cạnh tranh thì hoạt động của nó càng ngày càng theo quy luật của thị trường hơn là theo quy định của pháp luật. Sự cạnh tranh xảy ra giữa các trường ĐH truyền thống và các đối thủ mới như các công ty, các doanh nghiệp ĐH và đặc biệt trong khung cảnh cạnh tranh toàn cầu tạo nên những cơ hội mới cũng như những thách thức mới, cho các trường ĐH và cho xã hội. Các trường ĐH bị buộc phải quan tâm nhiều hơn đến sản phẩm và giá cả trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ của mình (Arild Tjeldvoll 1998). Càng ngày càng nhiều các tổ chức xác định nhu cầu học tập của tổ chức mình và tự tổ chức quá trình học tập hoặc kí hợp đồng đào tạo với các trường ĐH có chất lượng đào tạo tốt nhất. Trong năm 2000, có 2000 các công ty và tập đoàn trường ĐH với nhiều chương trình và

dịch vụ khác nhau, hợp tác cùng nhau trong 7 lĩnh vực: quản lí, các chương trình đào tạo, giáo dục thường xuyên, thư viện, thông tin, dịch vụ vi tính và phát triển kinh tế (American HE in 21 c). Các chương trình đào tạo qua mạng với các trình độ khác nhau trở thành một lực đẩy hùng hậu đẩy GDĐH vào con đường thị trường. Một phần ba các trường ĐH của Mĩ cung cấp giáo dục từ xa, 20% có kế hoạch đưa giáo dục từ xa vào chương trình đào tạo của nhà trường. Đầu năm 2002, Mĩ có 3.600 chương trình đào tạo cung cấp giáo dục từ xa, 67 trường trung học phổ thông là trường ảo, 15% trường phổ thông cung cấp các lớp học ảo và 26 bang bắt đầu xây dựng và cung cấp các trường học ảo. Nhiều học sinh có một số chứng chỉ ĐH ngay từ khi còn ngồi trong trường phổ thông. Các trường ĐH sử dụng nhiều biện pháp cạnh tranh khác nhau mà vũ khí chính là trợ cấp học bổng cho sinh viên. Các trường danh tiếng sử dụng học bổng tài năng nhằm thu hút các sinh viên tài năng để tăng thêm tiếng tăm và uy tín của mình và từ đó thu hút các sinh viên con nhà giàu có. Các trường ít danh tiếng hơn thì cắt giảm học phí để tăng tỉ lệ sinh viên nhập học. Nhiều trường ĐH hai năm đổi thành trường ĐH 4 năm để tạo thêm danh tiếng (160 trường năm 2003). Một số trường khác dùng các điểm số trắc nghiệm, danh hiệu danh dự để thu hút sinh viên. Một vũ khí cạnh tranh lợi hại khác mà các trường dùng là công nghệ thông tin. Năm 2000, 70% các trường truyền thống cung cấp các khoá học trên mạng, gần 300 trường cấp chứng chỉ công nghệ thông tin cho tất cả sinh viên trên toàn thế giới (powerpoint presentation, 2000). Tuy vậy, Mĩ vẫn cho rằng họ đã tụt hậu hơn so với một số nước khác trong vấn đề cạnh tranh GDĐH toàn cầu và chiếm lĩnh các thị trường mới ở các nước, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á. Nancy Cantor và Steven Schomberg (2003) kêu gọi các trường ĐH Mĩ cần thâm nhập nhiều hơn vào thị trường, quan tâm và đáp ứng hơn những đòi hỏi và những vấn đề mang tính thời đại của xã hội. Theo họ, sự thành công của một trường ĐH phụ thuộc vào việc trường đó đưa thế giới thực bên ngoài vào cuộc sống của nhà trường như thế nào và giải quyết vấn đề của nó bằng trình độ chuyên gia và các thực nghiệm khoa mang tính hệ thống ra sao.

Tính chất phi trung ương hoá cao

Phi trung ương hoá và quyền tự chủ của các trường học tạo những điều kiện tốt nhất cho sự cạnh tranh. Tính chất phi trung ương hoá của hệ thống GDĐH của Mĩ thể hiện ở chỗ quyền lực điều hành hệ thống GDĐH được phân cho các bang và các trường ĐH hơn là tập trung vào tay

chính quyền liên bang. Các trường ĐH có quyền tự chủ rất lớn. Vai trò của các cấp chính quyền được thể hiện như sau:

Chính phủ Liên bang:

Bộ Giáo dục Mĩ đại diện cho chính quyền liên bang quản lí hệ thống GDĐH ở cấp liên bang. Trong Bộ Giáo dục có một số các cơ quan quản lí GDĐH với các chương trình tập trung vào các nhu cầu cấp thiết của quốc gia trong việc tăng cường các cơ hội tiếp cận GDĐH, đặc biệt cho sinh viên tàn tật và sinh viên người thiểu số. Nhiệm vụ chính của Bộ Giáo dục là chịu trách nhiệm về việc xây dựng ngân sách và dự báo các chương trình, điều hành chương trình học bổng của chính phủ Liên bang đối với GDĐH. Chính phủ Liên bang hỗ trợ ngân sách cho các đơn vị nghiên cứu và phát triển, các trường ĐH nghiên cứu và các chương trình đặc tạo sau đại học. Ngoài việc hỗ trợ ngân sách trực tiếp, chính phủ Liên bang còn hỗ trợ các trường ĐH thông qua một loạt các chính sách thuế (miễn giảm thuế, cho sinh viên vay nợ, học bổng...). Vai trò của chính phủ liên bang đối với GDĐH gần đây trở nên mạnh hơn khi Bộ trưởng Bộ GD Mĩ thành lập Hội đồng về tương lai của GHĐH, tuyên bố rằng nước Mĩ cần có một chiến lược quốc gia về GDĐH và muốn xây dựng chuẩn quốc gia về chất lượng GDĐH.

Chính phủ Bang:

Mĩ có 50 bang. Cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lí, lãnh đạo của các chính phủ bang rất đa dạng, khác nhau giữa bang này và bang kia. Bang là cơ quan chính chịu trách nhiệm về phát triển GDĐH ở lãnh thổ của mình. Chính phủ bang ảnh hưởng lên các trường ĐH thông qua việc phân bổ ngân sách và gần đây các quan chức tài chính của bang còn tham gia vào việc đánh giá và kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo. Theo Richard C. Richardson, Jr. Kathy Reeves Bracco, Patrick M. Callan, Joni E. Finney, 1999 và Aims C. Mc Guinness Jr. (1999) bang có ba vai trò: là người cung cấp các dịch vụ ĐH có sự xem xét nhu cầu của thị trường; là người điều hành các mối quan hệ giữa các trường ĐH và thị trường thông qua kiểm soát việc sử dụng nguồn lực, sức mua của người sử dụng các dịch vụ GDĐH, đảm bảo hiệu suất của việc quản lí điều hành; Với vai trò của người tiêu dùng, bang điều hành việc phân chia địa bàn thu hút sinh viên của các trường đại học, làm tăng ảnh hưởng của thị trường lên các hoạt động của các trường này.

Các chính phủ bang ngày càng giữ vai trò trung tâm trong việc quản lí các trường ĐH (Aims C. Mc Guinness Jr., 1999).

Cũng theo Richard C. Richardson, Jr. Kathy

Reeves Bracco, Patrick M. Callan, Joni E. Finney và Aims C. Mc Guinness Jr.(1999), bang đưa ra 4 nhóm quyết định khi thiết kế hệ thống GDĐH: 1) Các hoạt động liên quan đến công việc quản lí trường ĐH: lập kế hoạch, xây dựng ngân sách, đánh giá và cung cấp thông tin; 2) Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các trường ĐH nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu của bang về GDĐH; 3) Thiết lập quyền lực và trách nhiệm giữa bang và các trường ĐH; 4) Xây dựng năng lực cho các trường ĐH.

Richard C. Richardson, Jr. Kathy Reeves Bracco, Patrick M. Callan, Joni E. Finney (1999) xác định ba cơ cấu chính của chính phủ bang: Ban lãnh đạo hợp nhất; ban lãnh đạo phối hợp và các đơn vị lập kế hoạch (consolidated governing boards, coordinating boards, and planning agencies).

- Ban lãnh đạo hợp nhất: ban lãnh đạo hợp nhất có quyền hành pháp lí và trách nhiệm kiểm soát tất cả các trường ĐH công bốn năm. Ban lãnh đạo hợp nhất có ở 24 bang. Trong số các ban lãnh đạo hợp nhất có một ban quản lí tất cả các trường ĐH hai và bốn năm công lập; một ban khác chỉ kiểm soát các trường ĐH công 4 năm bao gồm cả các trường ĐH nghiên cứu (Aims C. Mc Guinness Jr., 1999).

- Ban lãnh đạo phối hợp: khác với ban lãnh đạo hợp nhất, ban lãnh đạo phối hợp có trách nhiệm đối với một số hoặc 9 chức năng chủ yếu sau: (Aims C. Mc Guinness Jr. 1999): 1) Lập kế hoạch chiến lược; 2) Xây dựng và thực hiện các chính sách lãnh đạo; 3) Phân tích chính sách; 4) Xác định sứ mạng; 5) Đánh giá và xem xét chương trình đào tạo; 6) Phân bổ ngân sách (phân bổ hoặc phân bổ lại ngân sách giữa các trường ĐH); 7) Hỗ trợ tài chính cho sinh viên; 8) Xây dựng hệ thống trách nhiệm; 9) Và hệ thống quyền hành của trường ĐH. Trong ban lãnh đạo phối hợp có ban tư vấn phối hợp và ban điều hành phối hợp.

Có 24 bang có ban lãnh đạo phối hợp, 21 bang có ban điều hành phối hợp (kể cả Illinois, Texas, and New York), các bang còn lại (gồm cả California) có ban tư vấn. Một số đơn vị trường ĐH có thể hoạt động dưới sự bảo trợ của ban lãnh đạo phối hợp nhưng cũng có thể hoạt động như một đơn vị độc lập của bang như bang California. Các ban điều hành phối hợp có nhiều vị thế hơn và đó là sự kết hợp giữa quyền hạn của ban lãnh đạo hợp nhất và quyền hạn của một cơ quan của bang. Vai trò chính của ban điều hành phối hợp là lập kế hoạch phát triển GDĐH trên địa bàn bang và phối hợp hoạt động của các trường ĐH với các tổ chức khác trong bang. Ban điều hành này còn phân tích và đánh

giá các chương trình đào tạo mang tính chất chiến lược của toàn bang. Ban điều hành có quyền đòi hỏi các trường ĐH phải thực hiện các trách nhiệm của mình.

- Các đơn vị lập kế hoạch: Hai bang Michigan và Delaware có các đơn vị lập kế hoạch cho sự phát triển của GDĐH.

Quản lí ở cấp trường ĐH:

Ở các trường ĐH, Hội đồng quản trị trường ĐH chịu trách nhiệm chủ yếu về các vấn đề tài chính, chiến lược thực hiện sứ mạng của nhà trường, đánh giá hoạt động của nhà trường và của ban giám hiệu. Cơ cấu, kích cỡ và nhiệm vụ của hội đồng quản trị ở các trường khác nhau thì khác nhau. Hội đồng uỷ quyền cho hiệu trưởng lãnh đạo nhà trường, quản lí tài chính và ngân sách, phát triển chiến lược, xây dựng hệ thống trách nhiệm và các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên hiệu trưởng chủ yếu làm công tác quan hệ với bên ngoài, tìm kiếm các hỗ trợ cho nhà trường.

Dưới quyền của hiệu trưởng trường ĐH (university) là các phó hiệu trưởng, các hiệu trưởng của các trường thành viên (colleges), các chủ nhiệm khoa, các trưởng phòng của các bộ phận...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aims C. Mc Guinness Jr. (1999), Chapter seven: *The state and higher education, Designing state higher education systems for a new century*, American Council on Education, Oryx Press, Series on Higher Education.
 2. Arild Tjeldvoll (1998) *The service university in the global market place*, http://www.neumann-haz.hu/tei/educa-tio/1998tavasz/cent/univer_en.vak.
 3. Derek Bok (2005), *The Critical Role of Trustees in Enhancing Student Learning, Higher Education Chronicle*, <http://chronicle.com>, December 16.
 4. Frank Newman, Lara Couturier, Jamie Scurry (2004), *The future of Higher Education Rhetoric, Reality, and the Risks of the Market*, Jossey-Bass...
- (còn nữa)

SUMMARY

The article presents some salient characteristics of the American higher education system which find expression in diversification, decentralization, privatization and market-orientation